

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN BÌNH GIANG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH HẢI DƯƠNG

Bản án số: 01/2018/HSST

Ngày: 24/01/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

*** Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Xuân Trọng**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Nhung.

2. Ông Nguyễn Đức Đông.

- *Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Mừng**- *Th- ký*
Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương*
tham gia phiên tòa: Ông **Vũ Xuân Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2018/HSST ngày 03/01/2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đỗ Hữu T** - Sinh năm 1984.

Đăng ký HKTT và chỗ ở: Khu H, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Không;

Con ông Đỗ Hữu H, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1952;
Gia đình có 6 anh em, bị cáo là thứ 5.

Vợ: Đào Thị T1, sinh năm 1985; Có 03 con: Con lớn nhất sinh năm 2004,
con nhỏ sinh năm 2009;

Tiền sự: Không;

Tiền án:

- Bản án số 01 ngày 15/01/2009, TAND huyện Bình Giang xử phạt 21 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản (tài sản chiếm đoạt trị giá 26.450.000 đồng);

- Bản án số 06 ngày 18/02/2009, TAND huyện M, tỉnh Hưng Yên xử phạt 21 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản (tài sản chiếm đoạt trị giá 5.414.000 đồng). Bị can chấp hành xong hình phạt của 2 bản án trên ngày 30/11/2011;

- Bản án số 33 ngày 19/12/2012, TAND huyện B xử phạt 11 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản (tài sản chiếm đoạt trị giá 100.000 đồng). Bị can chấp hành xong hình phạt ngày 17/9/2013;

- Bản án số 12 ngày 14/4/2014, TAND huyện B xử phạt 15 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản (tài sản chiếm đoạt trị giá 6.000.000 đồng). Bị can chấp hành xong hình phạt ngày 11/4/2015;

- Bản án số 37 ngày 30/11/2015, TAND huyện B xử phạt 24 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản (tài sản chiếm đoạt trị giá 2.300.000 đồng). Bị can chấp hành xong hình phạt ngày 11/8/2017.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/12/2017, đến ngày 05/12/2017 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương (*Có mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án đ- ọc tóm tắt nh- sau:

Đỗ Hữu T là người nghiện ma túy. Sáng ngày 04/12/2017, T đi bộ từ nhà ra Quốc lộ 5A rồi bắt xe buýt đến Ga Hải Dương (thuộc thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương) để tìm mua ma túy về sử dụng. T đã gặp và mua của một người đàn ông không rõ tên, tuổi địa chỉ 03 gói ma túy loại Heroin với giá 300.000 đồng rồi đi về nhà. Khoảng 10 giờ 45 phút cùng ngày, khi T đang đi bộ tại ngõ T2, thuộc khu H, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ trên người T 03 gói giấy bạc, kích thước mỗi gói là 0,5x1cm bên trong đều chứa chất bột màu trắng; 02 xi lanh kim tiêm và 02 ống nước cất, T khai nhận đó là Heroin mua về sử dụng.

Kết luận giám định số 34/KLGD-PC54 ngày 05/12/2017 của Phòng KTHS - Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chất bột (dạng cục) màu trắng ghi thu của Đỗ Hữu T, gửi đến giám định có trọng lượng 0,191 gam, là loại Heroin. Heroin nằm trong Danh mục I, STT 20, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Hữu T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với biên bản bắt ng- ời phạm tội quả tang, lời khai của những ng- ời chứng kiến, vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 01/VKS-HS ngày 02/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hải D- ơng truy tố bị cáo Đỗ Hữu T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Hữu T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của những ng-ời chứng kiến, biên bản bắt ng-ời phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Đỗ Hữu T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999; điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Khoản 3 Điều 7 của BLHS năm 2015; Nghị Quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội: Xử phạt bị cáo Đỗ Hữu T từ 05 năm 03 tháng đến 05 năm 09 tháng tù thời gian tính từ ngày tạm giữ 04/12/2017.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là con nghiện, không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đối với 0,160 gam Hêrôin là mẫu vật hoàn lại sau giám định; 02 xilanh kim tiêm; 02 ống nước cất, xét đây là vật chứng trong vụ án Nhà nước cấm lưu hành và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy, theo điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS;

Đối với ng-ời đàn ông bán ma túy cho bị cáo không xác định đ-ợc họ tên, tuổi, địa chỉ, nên không có căn cứ xử lý.

Về án phí: □p dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Th-ờng vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã đ-ợc thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã đ-ợc tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nh- sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, ng-ời tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và ng-ời tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Hữu T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt ng-ời phạm tội quả tang, lời khai ng-ời chứng kiến, vật chứng thu giữ và phù

hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Hồi 10 giờ 45 phút ngày 04/12/2017, tại ngõ T2 thuộc Khu H, xã T, huyện B, tỉnh H, Đỗ Hữu T có hành vi cất giấu trái phép trên người 0,191 gam Hêrôin mục đích để sử dụng, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý, sử dụng của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Ma túy là loại độc dược gây nghiện, từ việc nghiện ma túy có thể gây nguy hại cho sức khỏe người sử dụng, ảnh hưởng xấu đến nhân cách, đạo đức con người, ảnh hưởng thuần phong mỹ tục, sự phát triển giống nòi và là nguyên nhân dẫn đến nhiều tệ nạn khác trong xã hội. Bản thân bị cáo cũng nhận thức được tác hại của ma túy, nhưng vì mục đích để thỏa mãn bản thân bị cáo vẫn coi thường pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp nên phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra. Thời gian gần đây trên địa bàn huyện B xảy ra một số loại tội phạm về ma túy như: Mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy... gây nhiều bức xúc trong nhân dân và gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy cần đưa bị cáo ra xét xử nghiêm minh theo pháp luật để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung có hiệu quả thiết thực.

Mặc dù bị cáo phạm tội tại thời điểm BLHS 1999 đang có hiệu lực pháp luật nhưng theo quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” có quy định mức hình phạt nhẹ hơn nên cần áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015; Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự 2015 để áp dụng về hình phạt đối với bị cáo.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có 05 tiền án:

- Bản án số 01 ngày 15/01/2009, TAND huyện B xử phạt 21 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản;
- Bản án số 06 ngày 18/02/2009, TAND huyện M, tỉnh Hưng Yên xử phạt 21 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản;
- Bản án số 33 ngày 19/12/2012, TAND huyện B xử phạt 11 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản.
- Bản án số 12 ngày 14/4/2014, TAND huyện B xử phạt 15 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản;
- Bản án số 37 ngày 30/11/2015, TAND huyện B xử phạt 24 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích nay lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc tình tiết quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 BLHS là “tái phạm nguy hiểm”. Vì vậy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Đỗ Hữu T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt đã được quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự, đúng như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang đã truy tố đối với bị cáo. Cần thiết phải đưa bị cáo ra xét xử nghiêm minh theo pháp luật, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung có hiệu quả thiết thực.

Tuy nhiên cũng xét quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình nên bị cáo được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, cần xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 04/12/2017, theo Bộ luật hình sự năm 2015 đã được Quốc hội khóa 13 thông qua ngày 27/11/2015 và Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội hướng dẫn áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo khi điều tra, truy tố, xét xử. Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015 về áp dụng nguyên tắc có lợi về hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt theo điểm o khoản 2 Điều 249 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Đối với 0,160 gam Hêrôin là mẫu vật hoàn lại sau giám định; 02 xilanh kim tiêm; 02 ống nước cất, xét đây là vật chứng trong vụ án Nhà nước cấm lưu hành và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy, theo điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS;

- Về án phí: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu án phí HSST theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Hữu T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999; điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội;

Xử phạt bị cáo Đỗ Hữu T 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù; Thời hạn tính từ ngày 04/12/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng: □p dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS;

Tịch thu cho tiêu hủy: 0,160 gam Hêroin hoàn lại sau giám định; 02 xilanh kim tiêm; 02 ống nước cất. (Theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang).

Về án phí: □p dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo bị cáo phải chịu 200.000đ án phí STHS.

□n xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- VKSND huyện B.
- Công an huyện B.
- Chi cục THA DS huyện B.
- Trại tạm giam Kim Chi-Công an tỉnh Hải D-ơng.
- VKSND tỉnh Hải Dương.
- Cơ quan Thi hành án-Công an tỉnh Hải D-ơng.
- Sở T- pháp Hải D-ơng.
- Bị cáo.
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
TH□M PH□N - CH□ TO□ PHI□N TOÀ

Nguyễn Xuân Tr□ờng

